

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
SÀI GÒN**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	03
3. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	04 - 07
4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	08 - 12
5. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	13

3.0
TR
Đ
T
IN

3.3
C
C
J
S
TP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn được thành lập theo giấy phép số 37/UBCK-GP ngày 28 tháng 8 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 01 năm 2011, giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 04 năm 2012 tăng vốn điều lệ Công ty lên 43.800.000.000 đồng do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.

Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính: Lầu 7, Toà nhà AB Tower, số 76 Lê Lai, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

2. Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính:

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 và đến ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trang Diễm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Đỗ Thùy Trang	Phụ trách kế toán

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013. Trong việc soạn lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập căn cứ trên số liệu các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Tp. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



NGUYỄN VIỆT HÙNG
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0713372/AISC-DN7

BÁO CÁO SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, được lập ngày 15 tháng 07 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN từ trang 04 đến trang 13 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc và phương pháp xác định các chỉ tiêu vốn khả dụng và giá trị rủi ro bao gồm: rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường được lập theo đúng các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về "Chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính"; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về "Chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính".

Tp. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013

KIỂM TOÁN VIÊN

HUỲNH THỊ THU THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0978-2013-05-1



**KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHẠM THỊ HỒNG UYÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0794-2013-05-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn	27.811.660.708	2.213.900.000	-
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	43.800.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ	-	-	-
5	Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-
6	Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(15.988.339.292)	-	-
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	-	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	2.213.900.000	-
1A	Tổng	25.597.760.708		
B	Tài sản ngắn hạn	-	2.033.786.502	-
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5	-	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	-	833.786.502	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	445.618.251	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác	-	388.168.251	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	388.168.251	-
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-	-	-
IV	Hàng tồn kho	-	-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	-	1.200.000.000	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	1.200.000.000	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
4,1	Tạm ứng	-	-	-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
4,2	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
1B	Tổng	2.033.786.502		
C	Tài sản dài hạn	-	384.162.876	-
I	<i>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</i>	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	-	-	-
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	-	-	-
<i>IV</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	-	-	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>	-	-	-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-	-
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	-	384.162.876	-
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>	-	-	-
1C	Tổng	384.162.876		
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C		23.179.811.330		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			2.827.330.323	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	2.827.330.323	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5,1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc các ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5,2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%	-	-
III. Trái phiếu Doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu			1.146.250.000	114.625.000
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ mở	10%	1.146.250.000	114.625.000
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các Công ty Đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VII. Chứng khoán khác			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
18	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			-	-
(A) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)			3.973.580.323	114.625.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN THEO ĐỐI TÁC		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	-	13.000.000.000	1.040.000.000
2	Cho vay chứng khoán/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại (Repo)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại (Reverse Repo)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
Cộng								1.040.000.000
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro				
1	0 -15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-					
2	16 -30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-					
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-					
4	Từ 60 ngày trở đi	100%	-					
Cộng								

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN THEO ĐỐI TÁC	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)							
Chi tiết tối tăng khoản vay, tối tăng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
Cộng							-
(B) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)							1.040.000.000

Ghi chú:

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 06 THÁNG)		Giá trị
I.	Tổng Chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 06 tháng	4.984.500.336
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(414.945.394)
	1. Chi phí khấu hao	43.554.606
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(458.500.000)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	5.399.445.730
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	1.349.861.433
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
(C) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})		5.000.000.000
(D) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		6.154.625.000

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	114.625.000	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.040.000.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4= 1+2+3)	6.154.625.000	
5	Vốn khả dụng	23.179.811.330	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	376,62%	

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 07 năm 2013

Kế toán



NGUYỄN ĐỖ THỦY TRANG

Tổng Giám đốc




NGUYỄN VIỆT HÙNG